

Số: 102/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP
ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định
về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14;

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 64/2014/QH13;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử
phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh.*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

“g) Buộc cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, trung thực;”

2. Bổ sung điểm m vào sau điểm l:

“m) Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về
tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh
nghiệp có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường
liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm quy
định tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này được xác định bằng 0 (không);

b) Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này không trên cùng thị trường liên quan; không kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định và không có ngành, nghề kinh doanh là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong trường hợp các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định hoặc ngành, nghề kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau hoặc các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm là các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định, thì tổng doanh thu trên thị trường liên quan quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định là tổng doanh thu của tất cả các thị trường liên quan đến hành vi vi phạm.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó.

Nếu có 01 tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt cụ thể được xác định trong khoảng từ trên mức tối thiểu đến dưới mức trung bình của khung tiền phạt, nhưng không thấp hơn mức trung bình của mức tối thiểu và mức trung bình của khung tiền phạt. Trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt.

Nếu có 01 tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt cụ thể được xác định trong khoảng từ trên mức trung bình đến dưới mức tối đa của khung tiền phạt, nhưng không cao hơn mức trung bình của mức tối đa và mức trung bình của khung tiền phạt. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.

Nếu vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, thì giảm trừ một tình tiết tăng nặng với một tình tiết giảm nhẹ.”.

Điều 3. Bãi bỏ khoản 2 của Điều 11.

Điều 4. Bãi bỏ khoản 2 của Điều 13.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14

“Điều 14. Hành vi không thông báo tập trung kinh tế

Phạt tiền đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế khi thực hiện hành vi không thông báo tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh như sau:

1. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam, tổng doanh thu bán ra và tổng doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt dưới 3.000 tỷ đồng trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

2. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra hoặc tổng doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt từ 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam, tổng doanh thu bán ra và tổng doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt dưới 3.000 tỷ đồng trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm; phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra hoặc tổng doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt từ 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện tập trung kinh tế khi chưa có thông báo kết quả thẩm định sơ bộ của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Cạnh tranh;

b) Thực hiện việc tập trung kinh tế khi Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chưa ra quyết định quy định tại Điều 41 Luật Cạnh tranh trong trường hợp hành vi tập trung kinh tế phải thẩm định chính thức.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 01% đến 03% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.”.

3. Bổ sung khoản 3, khoản 4 vào sau khoản 2:

“3. Phạt tiền từ 01% đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi thực hiện tập trung kinh tế trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc chia, tách doanh nghiệp đã sáp nhập hoặc hợp nhất đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc bán lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp, tài sản mà doanh nghiệp đã mua đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập, doanh nghiệp mới hình thành sau tập trung kinh tế, doanh nghiệp mua lại hoặc doanh nghiệp liên doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.”.

Điều 7. Bãi bỏ điểm a khoản 4 của Điều 19.

Điều 8. Bãi bỏ điểm a khoản 3 của Điều 20.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc cạnh tranh, các bên tham gia tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm về hành vi cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc cạnh tranh, các bên tham gia tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm về một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh, xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu;

c) Cưỡng ép người khác cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu;

d) Che giấu, tiêu hủy các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc cạnh tranh.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, trung thực.”.

4. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4:

“5. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định bãi bỏ thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo tập trung kinh tế; thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc quyết định về việc tập trung kinh tế nếu phát hiện một trong các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế thực hiện một hoặc các hành vi quy định tại điểm b, c và d khoản 3 Điều này dẫn đến làm sai lệch kết quả quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 36 và Điều 41 Luật Cạnh tranh.”.

Điều 10. Bãi bỏ điểm c khoản 2 của Điều 25.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 26

1. Bãi bỏ khoản 1.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ, e và m khoản 3 Điều 3 Nghị định này;”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 27

1. Bãi bỏ khoản 1.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, h, i và k khoản 3 Điều 3 Nghị định này.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 28

1. Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 và điểm đ khoản 3.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

d) Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, g và l khoản 3 Điều 3 Nghị định này.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 30

“Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ thành lập, Thủ trưởng cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Điều tra viên vụ việc cạnh tranh, Thư ký phiên điều trần, người được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định sơ bộ, thẩm định chính thức vụ việc tập trung kinh tế, người được giao thực hiện nhiệm vụ xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 32

“Điều 32. Hình thức nộp tiền phạt

Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền theo quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác thực hiện nộp tiền phạt theo một trong các hình thức sau đây:

1. Nộp tiền mặt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc tại ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản được ghi trong quyết định xử lý vụ việc

cạnh tranh, quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác;

2. Chuyển khoản vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác thông qua Công Dịch vụ công Quốc gia hoặc dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 của Điều 33

“4. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành có trách nhiệm tổ chức thực hiện phần quyết định liên quan đến tài sản của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo yêu cầu của bên được thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, bao gồm cả số tiền lãi do chậm nộp phạt theo quy định.”.

Điều 17. Bổ sung Điều 33a vào sau Điều 33

“Điều 33a. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

Việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử; gửi, nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.”.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh được xem xét, giải quyết như sau:

1. Đối với hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới được tiến hành điều tra hoặc đang được xem xét, giải quyết khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này.
2. Đối với hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định của Nghị định này.

3. Đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Bùi Thanh Sơn